TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 259/2026/DS-PT Ngày: 25 - 03 - 2026 V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản	

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Cao Khánh.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Lập;

Ông Ninh Quang Thế.

- Thư ký phiên tòa*:* Bà Ngô Thuỷ Anh - Là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Từ Thanh Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 526/2025/TLPT-DS ngày 13 tháng 11 năm 2025 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2025/DS-ST ngày 25 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 530/2025/QĐ-PT ngày 02 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Đỗ Thị Kiều O, sinh năm: 1969.

Căn cước công dân số: 095167006385; cấp ngày: 10/05/2021; nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Cư trú tại: Số E, Khóm D, Phường C, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (Nay là Khóm I, phường B, tỉnh Cà Mau).

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Bà Huỳnh Kim M, sinh năm: 1958 (có mặt).

Căn cước công dân số: 095158007395; cấp ngày: 14/08/2021; nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Cư trú tại: Số G, Khóm A, Phường E, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (Nay là: Phường V, tỉnh Cà Mau) (Hợp đồng uỷ quyền lập ngày 14/9/2024).

- *Bị đơn:*

1. Ông Trần Minh H, sinh năm: 1960 (có mặt).

Căn cước công dân số: 095060006932; cấp ngày: 14/08/2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Cư trú tại: Số D, ấp R, xã V, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (Nay là: Phường V, tỉnh Cà Mau).

2. Bà Điều Thị G; sinh năm: 1963 (có mặt).

Căn cước công dân số: 095163007918; cấp ngày: 30/06/2022; nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Cư trú tại: 09/7, T, khóm B, phường N, tỉnh Cà Mau.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Điều Thị G và ông Trần Minh H: Luật sư Tạ Nguyệt T, là Luật sư của Công ty L, thuộc đoàn luật sư tỉnh B (nay là tỉnh Cà Mau) (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Ông Trần Minh H và bà Điều Thị G là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 11/9/2024 và trong quá trình tham gia tố tụng bà Đỗ Thị Kiều O và người đại diện theo ủy quyền của bà O là bà Huỳnh Kim M trình bày:

Bà Đỗ Thị Kiều O với ông Trần Minh H (tên thường gọi là Tám S) và vợ là bà Điều Thị G có quen biết với nhau, quá trình làm ăn ông H và bà G có nhu cầu vay tiền sang đất, nên bà O có cho ông H và bà G vay, các lần vay cụ thể như sau: Lần 1: Ngày 11/10/2011 ông Trần Minh H có vay của bà O số tiền 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng) và ngày 13/10 có vay thêm số tiền 600.000.000 đồng, có làm biên nhận mượn tiền lập ngày 11/10/2011, ông H (có ký tên mượn tiền); Lần 2: Ngày 06/5/2014 ông H và bà G có vay của bà O số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) có làm biên nhận mượn tiền lập ngày 06/5/2014, ông H, bà G (có ký tên mượn tiền); Lần 3: Ngày 30/5/2018 ông H có vay số tiền 17.000.000 đồng, ông H viết biên nhận mượn tiền. Hai bên chỉ thỏa thuận miệng lãi suất 2%/tháng, nhưng không có ghi lãi suất trên giấy biên nhận.

Sau khi ông Trần Minh H, bà Điểu Thị G1 vay bốn khoản tiền trên, cho đến nay, thì ông bà không thanh toán nợ gốc hay bất kỳ khoản lãi nào cho bà O, mặc dù bà O đã nhiều lần đến gặp để đòi tiền nhưng ông H, bà G1 cố tình lẫn trốn không có thiện chí trả nợ, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà O. Nay bà O yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trần Minh H, bà Điểu Thị G2 có trách nhiệm trả cho bà O tổng số tiền vay là 1.417.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi suất phát sinh đối với số tiền trên theo quy định pháp luật (9%/năm) như sau: Số tiền 600.000.000 đồng, tính từ ngày 11/10/2011; Số tiền 600.000.000 tính từ ngày 13/10/2011; Số tiền 200.000.000 đồng tính từ ngày 06/5/2014; Số tiền 17.000.000 đồng tính từ ngày 30/5/2018, đến khi xét xử sơ thẩm và tiền lãi chậm trả trong giai đoạn thi hành án. Tạm tính đến ngày 11/9/2024 tiền lãi là 1.590.659.250 đồng, tiền gốc là 1.417.000.000 đồng. Tổng cộng tiền gốc và lãi là 3.007.659.250 đồng theo quy định pháp luật.

Ngày 23/6/2025 bà Đỗ Thị Kiều O có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện như sau:

- Rút yêu cầu tính lãi số tiền là 1.590.659.250 đồng;

- Rút biên nhận số tiền vay 600.000.000 đồng, ngày 23/10;

- Rút biên nhận số tiền vay 200.000.000 đồng, ngày 06/5/2014.

Bà O chỉ yêu cầu ông Trần Minh H và bà Điều Thị G trả số tiền nợ gốc 617.000.000 đồng.

Tại các văn bản có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, ông Trần Minh H trình bày:

Ông và bà O chỉ quen biết, không có họ hàng gì, ông thừa nhận có vay tiền bà O một lần duy nhất với số tiền 17.000.000 đồng và đã trả xong. Các biên nhận đề ngày 06/5/2014 nội dung ông và bà G3 có nhận số tiền của bà O là 200.000.000 đồng; Ngày 11/10/2011 thể hiện số tiền 600.000.000 đồng, ngày 13/10 có nhận thêm 600.000.000 đồng thì không phải chữ ký và chữ viết của ông H, từ trước đến nay ông H không có vay mượn bà O số tiền này. Đối với số tiền ngày 30/5/2018 thể hiện có nhận bà O số tiền 17.000.000 đồng thì ông H có mượn bà O, chữ viết trong giấy biên nhận này là của người bạn ông H tên T1, nhà ở S, nhưng ông H không biết địa chỉ cụ thể, hôm mượn là ở quán cà phê (lâu quá ông H không nhớ), lúc này bà O đưa tiền cho ông H nên ông T1 mới ghi dùm cho ông H. Sau đó, khoảng mấy tháng sau, ông H có đem 17.000.000 đồng và trả số tiền lãi 200.000 đồng đến 300.000 đồng (Vì thời gian lâu nên ông H không nhớ rõ) khi trả tiền thì ông H không có cho bà O ký giấy tờ gì, ông cũng không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh cho việc đã trả tiền cho bà O xong. Nay bà O yêu cầu giám định chữ ký của ông H tại các biên nhận nêu trên thì ông H đồng ý, còn về mẫu chữ ký, thì trước đây ông H có tranh chấp với bà O được Tòa án thành phố B giải quyết, nên ông H đề nghị Tòa án lấy mẫu chữ ký này đi giám định. Ngoài ra, các biên nhận do bà O cung cấp cho Tòa án không đủ căn cứ cho rằng vợ chồng ông H có mượn tiền bà O. Do vậy, ông H không đồng ý với toàn bộ nội dung yêu cầu khởi kiện và có yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện đối với vụ án "tranh chấp vay tài sản" được Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu thụ lý số: 406/2024/TLST-DS, ngày 27 tháng 10 năm 2024.

Tại các văn bản có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, bà Điều Thị G trình bày:

Tôi và ông H đã chấm dứt quan hệ vợ chồng từ năm 2010. Tôi thuê nhà ở riêng. Ông H có vợ khác và đang ở chung với nhau tại nhà của vợ chồng tôi. Năm 2012 tôi cất nhà riêng tại khóm B, phường N, thành phố B (địa chỉ cũ) không qua lại đối với ông H. Do vậy tất cả các khoản nợ theo khởi kiện trên, tôi không nhận tiền và bà O không nói gì về việc nợ với tôi. Do vậy tôi từ chối chịu trách nhiệm đối với các khoản nợ trên.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2025/DS-ST ngày 25 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Cà Mau, đã quyết định (tóm tắt):

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của bà Đỗ Thị Kiều O về việc yêu cầu ông

Trần Minh H và bà Điều Thị G số tiền nợ gốc đối các biên nhận đề ngày 06/5/2014 số tiền 200.000.000 đồng; Biên nhận ngày 13/10 số tiền 600.000.000 đồng và toàn bộ số tiền lãi suất phát sinh.

2. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị Kiều O đối với ông Trần Minh H và bà Điều Thị G.

Buộc ông Trần Minh H và bà Điều Thị G có trách nhiệm liên đới trả cho bà Đỗ Thị Kiều O tổng số tiền nợ gốc 617.000.000 đồng.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm trả, chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của đương sự theo luật định.

Ngày 20 tháng 8 năm 2025 ông Trần Minh H và bà Điều Thị G là bị đơn kháng cáo, nội dung:

Ông Trần Minh H trình bày: Tòa sơ thẩm không tống đạt hợp lệ dẫn đến ông không thể bào chữa về việc bà O kiện; Ông chấp nhận là ông ký tên vào biên nhận 600.000.000 đồng nhưng ông không vay của bà Đỗ Thị Kiều O, bà O không phải là chủ nợ. Yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của bà O.

Bà Điều Thị G trình bày: Năm 2012 bà và ông H đã ly hôn, sống riêng. Biên nhận ngày 11/12/2011 chỉ một mình ông H ký tên, bà không biết và không chi xài khoản tiền này, đồng thời tại biên nhận này vợ chồng bà không mượn nợ của bà Đỗ Thị Kiều O nên không đồng ý trả.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Trần Minh H và bà Điều Thị G giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Luật sư Tạ Nguyệt T trình bày:

Bà Điều Thị G không nhận được thông báo của Tòa án; bà G và ông H ở riêng, Tòa án không tống đạt cho bà G khi xét xử vụ án. Ông H không thừa nhận nợ 600.000.000 đồng, 17.000.000 đồng đã trả rồi, ông H không có thế chấp 07 quyển sổ đỏ như biên nhận thể hiện, nên biên nhận không có giá trị. Bà O có em ruột tên D, có cho bị đơn vay nhiều lần. Các chứng cứ mới cung cấp là các biên nhận năm 2014 chứng tỏ số tiền 600.000.000 đồng trong biên nhận ghi ngày 11/10/2011 là đã được nhập chung vô các biên nhận của năm 2014 và đã được giải quyết. Ngoài ra, khi cấp sơ thẩm làm thủ tục giám định nhưng không thu thập chữ ký của ông H mà lấy mẫu của vụ án khác để làm căn cứ giám định, do đó đã vi phạm thủ tục tố tụng về giám định.

Từ những căn cứ trên, đề nghị Hội đồng xét xử sửa Bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bà Huỳnh Kim M trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tiến hành đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự; Các đương sự chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ theo pháp luật quy định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Minh H và bà Điều Thị G, sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 16/2025/DS-ST ngày 25 tháng 7 năm 2025 của Toà án nhân dân khu vực 6 - Cà Mau về án phí, xét miễn án phí cho bị đơn do là người cao tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét đơn kháng cáo của ông Trần Minh H và bà Điều Thị G là bị đơn nộp trong thời hạn quy định của pháp luật. Về tố tụng, quan hệ tranh chấp, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết đã được cấp sơ thẩm xác định và thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Trần Minh H và bà Điều Thị G, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Đối với số tiền vay 17.000.000 đồng:

Do ông H thừa nhận có vay tiền của bà O theo biên nhận ngày 30/8/2018 với số tiền 17.000.000 đồng, ông H không cung cấp được chứng cứ cho việc đã trả số tiền 17.000.000 đồng cho bà O và bà O cũng không thừa nhận việc ông H trình bày là đã trả cho bà 17.000.000 đồng, nên lời trình bày của ông H là không có căn cứ chấp nhận. Do đó, cấp sơ thẩm xác định ông H còn nợ bà O số tiền 17.000.000 đồng, là có căn cứ.

[2.2] Đối với số tiền vay 600.000.000 đồng:

[2.2.1] Tại cấp sơ thẩm, do ông H không thừa nhận chữ ký và chữ viết họ tên trong biên nhận ngày 11/10/2011, số tiền 600.000.000 đồng là của ông H nên bà O đã yêu cầu giám định chữ ký và chữ viết trong biên nhận ngày 11/10/2011 và tại Kết luận giám định số 130/KL-KTHS ngày 07/5/2025 của Phòng K Công an tỉnh B, đã kết luận chữ ký và chữ viết trong biên nhận nêu trên là của ông Trần Minh H.

Tại đơn kháng cáo, ông H thừa nhận chữ ký và chữ viết trong biên nhận ngày 11/10/2011 là của ông, nhưng ông H cho là ông không vay tiền của bà O. Tuy nhiên, ông H không giải thích được lý do ông ký tên vào biên nhận nợ.

[2.2.2] Đối với 07 giấy chứng nhận QSDĐ, phía nguyên đơn xác định do bị đơn có vay nhiều lần, nên quá trình giao dịch giữa đôi bên đã trả 07 giấy chứng nhận QSDĐ cho bị đơn nhưng do bị đơn chưa trả nợ nên nguyên đơn vẫn giữ lại biên nhận ngày 11/01/2011.

[2.2.3] Từ các chứng cứ và tình tiết nêu trên, cấp sơ thẩm xác định ông H còn nợ bà O số tiền 600.000.000 đồng theo biên nhận ông đã ký ngày 11/10/2011, là có căn cứ.

[2.3] Xét kháng cáo của bà Điều Thị G về việc không có trách nhiệm liên đới cùng ông H trả nợ cho bà O:

Tại đơn kháng cáo, bà O trình bày năm 2012 bà và ông Trần Minh H đã ly hôn nhưng tại phiên tòa phúc thẩm bà O xác định hai vợ chồng tự ly hôn, không có làm thủ tục ly hôn theo quy định của pháp luật. Do đó, theo quy định của pháp luật thì mối quan hệ hôn nhân của ông bà vẫn còn tồn tại. Mặc khác, khoản nợ do ông H ký với bà O là vào ngày 11/10/2011 mà bà G trình bày năm 2012 vợ chồng mới tự ly hôn, nên cấp sơ thẩm buộc bà Điều Thị G có nghĩa vụ liên đới cùng ông H trả nợ cho bà O, là có căn cứ.

[3] Đối với việc Luật sư cho là Tòa án không tống đạt các văn bản tố tụng cho bà Điều Thị G. Tuy nhiên, hồ sơ thể hiện ông Trần Minh H là người ký nhận thay bà G và cam kết giao lại cho bà G. Do ông H và bà G vẫn còn mối quan hệ vợ chồng như nhận định trên, ông H cũng không trình bày gì về việc bà G có nơi cư trú khác, nên việc ông H nhận thay các văn bản tố tụng và cam kết giao lại cho bà G là đúng quy định pháp luật.

Việc Luật sư cho là cấp sơ thẩm không thu thập mẫu chữ ký và chữ viết của ông H để làm mẫu giám định mà lấy mẫu trong hồ sơ vụ án khác, là vi phạm. Tuy nhiên, tại đơn kháng cáo ông Trần Minh H chính ông ký vào biên nhận ngày 11/10/2011 nên Hội đồng xét xử không cần thiết đặt ra vấn đề giám định chữ ký và chữ viết của ông Trần Minh H tại biên nhận ngày 11/10/2011.

[4] Các chứng cứ phía bị đơn cung cấp là các biên nhận năm 2014, Hội đồng xét xử nhận thấy không liên quan đến số nợ theo biên nhận ngày 11/10/2011.

[5] Ông H, bà G kháng cáo nhưng không đưa ra chứng cứ gì mới. Từ những căn cứ và phân tích trên, cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Minh H và bà Điều Thị G giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm về nội dung.

Tuy nhiên, do tại cấp phúc thẩm, ông Trần Minh H và bà Điều Thị G có đơn đề nghị miễn nộp tiền tạm ứng án phí và án phí do là người cao tuổi. Do đó, cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm về án phí, xét miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông H và bà G.

[6] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

[7] Lời trình bày của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên không được chấp nhận.

[8] Chi phí tố tụng: Chi phí giám định chữ ký, chữ viết với số tiền 7.102.000 đồng (Bảy triệu một trăm lẻ hai ngàn đồng), buộc ông Trần Minh H và bà Điều Thị G có trách nhiệm liên đới phải chịu toàn bộ. Bà Đỗ Thị Kiều O đã nộp xong, nên buộc ông Trần Minh H và bà Điều Thị G có trách nhiệm trả lại cho bà Đỗ Thị Kiều O số tiền 7.102.000 đồng (Bảy triệu một trăm lẻ hai ngàn đồng).

[9] Án phí dân sự:

Bà Đỗ Thị Kiều O không phải chịu.

Xét miễn án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm cho ông H và bà G.

[10] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Minh H và bà Điều Thị G.

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2025/DS-ST ngày 25 tháng 7 năm 2025 của Toà án nhân dân khu vực 6 - Cà Mau về án phí.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của bà Đỗ Thị Kiều O về việc yêu cầu ông Trần Minh H và bà Điều Thị G số tiền nợ gốc đối các biên nhận đề ngày 06/5/2014 số tiền 200.000.000 đồng; Biên nhận ngày 13/10 số tiền 600.000.000 đồng và toàn bộ số tiền lãi suất phát sinh.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị Kiều O đối với ông Trần Minh H và bà Điều Thị G.

- Buộc ông Trần Minh H và bà Điều Thị G có trách nhiệm liên đới trả cho bà Đỗ Thị Kiều O tổng số tiền nợ gốc 617.000.000 đồng (Sáu trăm mười bảy triệu đồng).

- Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm số tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất với số tiền chậm thi hành án theo qui định tại khoản 2 Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Trần Minh H và bà Điều Thị G có trách nhiệm trả lại cho bà Đỗ Thị Kiều O số tiền 7.102.000 đồng (Bảy triệu một trăm lẻ hai ngàn đồng).

4. Án phí dân sự

- Án phí sơ thẩm:

Ông Trần Minh H và bà Điều Thị G được miễn.

Bà Đỗ Thị Kiều O không phải chịu, đã nộp tạm ứng án phí số tiền 46.070.000 đồng (Bốn mươi sáu triệu không trăm bảy mươi ngàn đồng), theo biên lai thu tiền số 0003164, ngày 14 tháng 10 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu (nay là Phòng Thi hành án Dân sự Khu vực 6 – Cà Mau), được nhận lại.

- Án phí phúc thẩm:

Ông Trần Minh H và bà Điều Thị G được miễn.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân Khu vực 6 - Cà Mau;
- Phòng THADS Khu vực 6 - Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Cao Khánh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ		THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Nguyễn Thành Lập	**Ninh Quang Thế**	**Đỗ Cao Khánh**

***Nơi nhận*:**
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân Khu vực 6 - Cà Mau;
- Phòng THADS Khu vực 6 - Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Cao Khánh